TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2026/DS-PT
Ngày 12 – 8 – 2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1978; cư trú tại: Khu B, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hùng C, sinh năm 1980; cư trú tại: Phố T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa, (theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2025), (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Việt A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn K, xã L, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Hà Việt A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên từ ngày 12/04/2018 đến ngày 21/06/2018 ông Trịnh Văn H đã cho anh Hà Việt A là con trai ông Hà Ngọc C1 vay tiền. Cụ thể:

Lần 01: Ngày 12/04/2018, anh Việt A vay ông H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả là ngày 21/12/2018, theo phương thức thanh toán lãi suất hàng tháng vào ngày 15 (theo giấy vay tiền ngày 12/04/2018). Lãi hai bên thỏa thuận với nhau là 7%/năm.

Lần 02: Ngày 21/06/2018, anh Việt A vay ông H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) (theo giấy vay tiền ngày 21/06/2018). Hai bên vẫn thỏa thuận lãi suất là 7%/năm và là thỏa thuận ngoài.

Đến ngày 20/09/2020, anh Hà Việt A mới trả cho ông H được 50.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại ông H tính đến thời điểm khởi kiện là: 450.000.000 đồng.

Ông H đòi nhiều lần nhưng anh Việt A không có tiền trả nên ngày 20/09/2020, ông Hà Ngọc C1 (là bố của anh Việt A) đã đứng ra nhận nợ và chịu trách nhiệm thanh toán thay anh Việt A số tiền 450.000.000 đồng trên cho ông H. Ông C1 đề nghị chia thành ba đợt để trả dần trong vòng một năm (đến 20/09/2021). Tuy nhiên, hiện nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng ông C1, anh Việt A không thanh toán nợ cho ông H. Năm 2022 ông H đã làm đơn khởi kiện anh Việt A nhưng sau đó rút đơn khởi kiện về để hai bên thỏa thuận. Nhiều lần ông H liên hệ để yêu cầu ông C1, anh Việt A trả số nợ trên nhưng ông C1 và anh Việt A vẫn không trả nợ cho ông H.

Ngày 15/03/2026, anh Hà Việt A (con trai ông Hà Ngọc C1) đã trả thêm được cho ông H số tiền 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản. Số tiền gốc còn nợ lại là: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, vì ông Hà Ngọc C1 đã chết, bản thân anh Việt A cũng xác nhận anh là người vay tiền và sử dụng tiền vào việc cá nhân nên ông H đề nghị Tòa án buộc anh Hà Việt A có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông số tiền gốc còn nợ 425.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/9/2021 đến ngày 21/9/2025 là 48 tháng: 450.000.000 đồng x 48 x 7%/năm = 126.000.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi ông H yêu cầu anh Việt A phải trả là 576.000.000 đồng.

Số tiền ông H cho anh Việt A vay là tài sản riêng của ông H không liên quan gì đến vợ ông H. Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 12/04/2018 chỉ ghi "theo phương thức thanh toán lãi suất hàng tháng vào ngày 15", nhưng ông H và anh Việt A đã thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 7%/năm.

Bị đơn anh Hà Việt A trình bày:

Vào khoảng năm 2018, anh Việt A có vay của ông Trịnh Văn H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mục đích để làm ăn kinh doanh riêng, lãi suất thanh toán hàng tháng vào ngày 15. Tính đến ngày 15/3/2026, anh đã trả được cho ông H tổng cộng là 75.000.000 đồng tiền gốc. Nay anh Việt A xác nhận

số tiền gốc anh Việt A còn nợ ông H tính đến thời điểm hiện nay là 425.000.000 đồng.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đi làm ăn xa nơi khác, ngày 20/9/2020, ông H đã đến gia đình anh nói chuyện với bố anh nên bố anh là ông Hà Ngọc C1 đã đứng ra nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho ông H thay anh Việt A. Sau khi nhận nợ do điều kiện kinh tế của ông C1 cũng khó khăn nên ông C1 chưa trả được cho ông H. Nay ông C1 đã chết (tháng 10/2025), theo quy định bà M (vợ ông C1), anh V, chị N, chị L và anh Việt A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C1 và phải có trách nhiệm đứng ra trả số nợ mà ông C1 đã đứng ra nhận nợ với ông H. Tuy nhiên bà M, chị N, chị L, anh V xác định do anh Việt A khó khăn nên ông C1 mới đứng ra nhận nợ thay anh Việt A. Nay ông C1 đã chết nên anh Việt A phải có trách nhiệm đứng ra trả số nợ trên cho ông H, khi anh Việt A vay số tiền trên thì anh Việt A sử dụng riêng, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Bà M, chị L, chị N, anh V không được sử dụng gì đến số tiền anh Việt A vay của ông H. Do đó bà M, chị L, chị N, anh V không đồng ý việc phải cùng anh Việt A trả nợ cho ông H số nợ đó. Yêu cầu anh Việt A phải tự một mình trả số nợ trên cho ông H.

Anh Việt A xác nhận số nợ trên là do một mình anh Việt A vay để làm ăn riêng không liên quan đến vợ (chị Thiều Thị Hồng K), con anh Việt A và cũng không liên quan gì đến bố mẹ (ông C1, bà M), anh chị em (anh V, chị L, chị N) của anh Việt A. Vợ, con của anh Việt A và bố mẹ anh Việt A cũng như các anh chị em của anh Việt A không được sử dụng gì đến số tiền mà anh Việt A đã vay ông H. Số tiền anh Việt A vay ông H là để anh Việt A làm ăn tự do, không sử dụng vào mục đích chung của cả gia đình.

Nay anh Việt A xác nhận, hiện anh Việt A còn nợ ông H tổng số tiền gốc là 425.000.000 đồng, anh là người vay tiền của ông H nên anh một mình đứng ra trả toàn bộ số nợ gốc này cho ông H, không yêu cầu ai trả nợ cùng.

Đối với tiền lãi: Do ông H đã nhắn tin cho anh chỉ nhận lại gốc, nên anh sẽ trả số nợ gốc 425.000.000 đồng cho ông H. Đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 116, 117, 119, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của , ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H về việc yêu cầu anh Hà Việt A phải trả nợ tiền vay.

Buộc anh Hà Việt A có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn H số tiền còn nợ 551.000.000 đồng (Năm trăm năm mốt triệu đồng), trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng và tiền lãi là 126.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Hà Ngọc C1 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C1 là bà M, anh V, chị N, chị L) không có nghĩa vụ phải trả nợ thay anh Hà Việt A cho ông H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Hà Việt A phải chịu 26.040.000 đồng (Hai sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ông Trịnh Văn H không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.724.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai từ nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003577 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Phú Thọ).

Ngoài ra, Bản án còn giải quyết về nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/4/2026 bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất, đồng thời đề nghị áp dụng thời hiệu đối với hợp đồng vay tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Toà án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và được thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hà Việt A; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định bị đơn là anh Hà Việt A và ông Hà Ngọc C1, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông C1 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn cùng với anh Việt A. Quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định, ông C1 chết ngày 06/10/2025 (chết trước ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án 11 ngày). Mặt khác, tại đơn đề nghị ngày 17/4/2026, nguyên đơn đã xác định ông C1 đã chết, anh Việt A là người trực tiếp vay và tự chịu trách nhiệm với khoản vay của mình, không liên quan đến ông C1 cũng như những người thuộc hàng thừa kế của ông C1 nên chỉ yêu cầu một mình anh Việt A phải trả nợ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn để ông C1 là bị đơn, còn bà Trịnh Thị M, anh Hà Thành V, chị Hà Thị N, chị Hà Thị N1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng, đưa ông C1, bà M, anh V, chị N, chị N1 ra khỏi vụ án; bị đơn chỉ là anh Hà Việt A. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hùng C, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện: Trong năm 2018, ông Trịnh Văn H đã cho anh Hà Việt A vay 2 lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều được lập thành văn bản dưới hình thức "Giấy vay tiền", có xác định thời hạn vay. Trong đó Giấy vay ngày 12/4/2018, vay số tiền 300.000.000 đồng, xác định ngày trả là 31/12/2018; có thỏa thuận lãi suất nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể; còn giấy vay ngày 21/6/2018, vay số tiền 200.000.000 đồng, xác định ngày trả là 21/3/2018 (anh Việt A xác định có sự nhầm lẫn về năm 2018, thực chất là 21/3/2019), không thỏa thuận mức lãi suất.

Quá trình thực hiện thỏa thuận vay, tính đến ngày 20/9/2020, anh Việt A đã trả được cho ông H tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 450.000.000 đồng được ông C1 là bố anh Việt A đứng ra nhận trả nợ thay (thể hiện bằng Giấy vay tiền giữa ông C1 và ông H lập ngày 20/9/2020). Tuy nhiên, ngày 08/5/2020, anh Hà Việt A lại tiếp tục viết Giấy khất nợ, trong đó xác định

số tiền anh còn nợ ông H là 450.000.000 đồng và xin khất nợ hẹn đến hết năm 2020 sẽ thanh toán hết số tiền trên.

Ngày 15/3/2026, anh Việt A lại tiếp tục trả thêm cho ông H được số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng. Nay các đương sự đều thống nhất số tiền gốc anh Việt A còn nợ ông H là 425.000.000 đồng. Ông H yêu cầu anh Việt A phải trả cho ông tổng số tiền 551.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng; tiền lãi là 126.000.000 đồng (tính 7%/năm trên số tiền nợ gốc còn lại tính từ ngày 21/9/2021 đến 21/9/2025 là 48 tháng).

Tại cấp phúc thẩm, anh Việt A cho rằng anh không đồng ý với việc chuyển giao nghĩa vụ từ anh sang ông C1 nên việc khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu 3 năm kể từ ngày anh vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào năm 2020. Anh đề nghị được áp dụng thời hiệu.

[2.2]. Đối với yêu cầu về số tiền nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, cả ông H và anh Việt A đều xác định số tiền nợ gốc mà anh Việt A còn nợ lại ông H là 425.000.000 đồng. Anh Việt A cũng đồng ý trả toàn bộ số tiền trên. Do vậy, đây là chứng cứ không cần chứng minh. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Việt A phải trả cho ông H số tiền 425.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu về số tiền lãi:

Anh Việt A cho rằng anh không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ sang cho ông C1 và yêu cầu áp dụng thời hiệu; đồng thời đưa ra căn cứ tin nhắn về việc trước đây ông H đã đồng ý không lấy tiền lãi của anh để đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông H. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khi đương sự có yêu cầu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định. Do vậy, yêu cầu áp dụng thời hiệu của anh Việt A tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 7%/năm: Tại Giấy vay tiền lập ngày 12/4/2018 đã ghi nhận nội dung: "Theo phương thức thanh toán lãi suất hàng tháng vào ngày 15...". Mặc dù không ghi nhận mức lãi suất cụ thể nhưng đây chính là sự thỏa thuận về lãi suất. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất... thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn, tương đương 10%/năm.

Tại Giấy vay tiền ngày 21/6/2018, mặc dù không thỏa thuận lãi suất nhưng căn cứ điểm a khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: "Đối với hợp đồng vay không lãi mà khi đến hạn bên vay không trả, bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự", có nghĩa trường hợp này lãi suất cũng được xác định tối đa không quá 10%/năm.

Như vậy, việc ông H chỉ yêu cầu anh Việt A trả tiền lãi với mức lãi suất 7%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Việc anh Việt A cho rằng thông qua tin nhắn ông H đã xác định chỉ lấy gốc, không lấy lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù nội dung tin nhắn thể hiện người nhắn tin với anh Việt A có quan điểm chỉ cần lấy lại gốc nhưng lại kèm theo điều kiện anh Việt A phải trao đổi với luật sư về phí luật sư là 30% số tiền gốc. Nội dung này cũng được anh Việt A thừa nhận tại Vi bằng do anh yêu cầu lập tại Văn phòng Thừa phát lại Trần Gia ngày 15/5/2026. Tại phiên tòa anh Việt A cũng khẳng định việc thỏa thuận giữa anh và luật sư về số phí trên không có kết quả. Điều đó có nghĩa điều kiện của việc miễn lãi không đạt được. Ngoài tin nhắn trên không có bất cứ tài liệu nào thể hiện việc ông H đồng ý miễn lãi cho anh Việt A. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi tính từ ngày 21/9/2021 (khi anh Việt A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến ngày 21/9/2025 buộc anh Việt A phải trả cho ông H 126.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Hà Ngọc C1 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C1 là bà M, anh V, chị N, chị L) không có nghĩa vụ phải trả nợ thay anh Hà Việt A cho ông H khi nguyên đơn không có yêu cầu những người này phải trả nợ là không đúng. Nhưng do không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải sửa án sơ thẩm đối với nội dung này mà chỉ cần điều chỉnh cách tuyên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Điều đó đồng nghĩa với việc kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu không chấp nhận khoản tiền lãi của nguyên đơn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí đối các đương sự là có căn cứ, đúng quy định.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Xác nhận đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hà Việt A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của , ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hà Việt A phải trả cho ông Trịnh Văn H tổng số tiền 551.000.000 đồng (Năm trăm năm mốt triệu đồng), trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng và tiền lãi là 126.000.000 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2026) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Việt A phải chịu 26.040.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.724.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003577 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hà Việt A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Việt A đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0004072 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7; 34, 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 11 - Phú Thọ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang